

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 383/2025/HS-PT

Ngày 24 - 9 - 2025

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền, Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 1016/2023/TLPT-HS ngày 14/12/2023. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2023/HS-ST ngày 08/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Bị cáo kháng cáo:

Phan Thị Thúy P, sinh ngày 28/12/1985 tại huyện N, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Số D, đường A, khóm A, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Nguyên Thủ quỹ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh C; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thanh H và bà Diệp Hoàng A; chồng tên Lê Phú N và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo P:

1/ Luật sư Phan Đăng H1, Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố C (vắng mặt).

2/ Luật sư Trần Thị Mộng T, Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (có mặt).

- Bị hại: Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh C (vắng mặt);

Địa chỉ: Số D khu A, khu Đô thị C, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường T, tỉnh Cà Mau).

(Trong vụ án còn có bị cáo Dương Mỹ P1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thời gian vào năm 2015, tình hình quản lý, sử dụng kinh phí tại Hội Liên hiệp Phụ nữ (viết tắt Hội LHPN) tỉnh Cà Mau có biểu hiện mất cân đối, kế toán bỏ bê công tác, để chứng từ tồn đọng, thanh quyết toán tài chính quá niên độ quy định, có dấu hiệu vi phạm, nên ngày 27/6/2016 Ủy ban Kiểm tra tỉnh Ủ thành lập Đoàn kiểm tra số 61, tiến hành kiểm tra đối với công tác quản lý, điều hành thu- chi kinh phí hoạt động và các nguồn tài trợ, viện trợ tại Hội LHPN tỉnh C quản lý. Kết quả kiểm tra, kết luận việc thu chi đối với nguồn kinh phí của Hội LHPN tỉnh C tại các nguồn Biên soạn lịch sử, M ẩm tình thương, Ngôi nhà mơ ước, tổng số tiền 219.873.000 đồng (đ) do thủ quỹ Phan Thị Thúy P rút từ Kho bạc Nhà nước, kế toán Dương Mỹ P1 quản lý có dấu hiệu vi phạm. Ngày 14/4/2017, Ủy ban Kiểm tra có Công văn số 455-CV/UBKTTU chuyển hồ sơ cán bộ, đảng viên có dấu hiệu vi phạm pháp luật đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh C yêu cầu điều tra xử lý theo quy định.

Kết quả điều tra xác định:

Hội LHPN tỉnh C được thành lập vào năm 1997, chức năng đại diện chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích của các tầng lớp phụ nữ; đoàn kết, hỗ trợ, phát triển phụ nữ, vận động bình đẳng giới tỉnh Cà Mau, Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng. Kinh phí hoạt động của Hội được đảm bảo bằng ngân sách Nhà nước. Hàng năm đơn vị lập dự toán kinh phí và được Sở Tài chính thẩm định, phê duyệt cấp phát theo chế độ định mức. Ngoài ra, đơn vị còn được cấp ngân sách theo chương trình mục tiêu, các nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương H3, các nguồn tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước .v.v.. để thực hiện các chương trình hỗ trợ, phát triển phụ nữ của tỉnh.

Năm 2011, Phan Thị Thúy P được phân công nhiệm vụ thủ quỹ Hội LHPN tỉnh C (theo Quyết định số 16/QĐ-PN ngày 28/02/2011). P có trách nhiệm quản

lý các nguồn quỹ là tài chính của Hội LHPN, thực hiện nghiệp vụ thu, chi tài chính; kiểm kê, đối chiếu quỹ tiền mặt, có trách nhiệm báo cáo tình hình thu chi tài chính của đơn vị cho lãnh đạo Hội và kế toán theo đúng quy chế. Dương Mỹ P1 là kế toán trực tiếp của Phan Thị Thúy P, có nhiệm vụ tham mưu, giúp lãnh đạo hội quản lý, sử dụng tài chính đơn vị và trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ kế toán tài chính của Hội LHPN tỉnh C theo quy định.

Tại thời điểm này Phan Thị Thúy P phụ trách 17 nguồn quỹ (có lập Sổ quỹ theo dõi) và 02 nguồn thu (không có sổ theo dõi) cụ thể:

- Các nguồn quỹ có theo dõi trên Sổ quỹ: (1) Quỹ Bánh mì, (2) Nguồn dự án LIRE, (3) Nguồn CEARAC, (4) Nguồn H, (5) Nguồn H, (6) Nguồn Công đoàn, (7) Nguồn vận động xã hội- từ thiện, (8) Nguồn T, (9) Nguồn tiết kiệm phụ nữ nghèo, (10) Vốn Mô hình- Bánh mì thế giới, (11) Lãi các dự án, (12) Tiếp sức trẻ em gái đến trường, (13) Hỗ trợ phụ nữ nghèo nuôi con ăn học, (14) Quỹ vì quê hương, (15) Tiếp bước cho em đến trường, (16) Quỹ tương trợ Công đoàn và (17) Nguồn Ngân sách.

- 02 nguồn thu tiền mặt (không lập sổ theo dõi): (18) Các nguồn thu vốn lãi dự án chưa lên phiếu và (19) Tiền thu văn kiện, Điều lệ Hội các huyện.

Ngoài ra: Hội Phụ nữ còn có các nguồn thu khác như:

- Nguồn Đội quân tóc dài: Do Trung ương Hội P2 tài trợ năm 2012, số tiền 10.000.000đ hỗ trợ vốn cho phụ nữ có tham gia kháng chiến (Đội quân tóc dài) tại tỉnh Cà Mau;

- Nguồn Cầu Hai Huỳnh: Do doanh nghiệp tại Hà Nội tài trợ năm 2012, số tiền 50.000.000đ xây dựng cầu tại xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau;

- Nguồn Biên soạn lịch sử: Do tỉnh Ủy tỉnh Ủ cấp (giai đoạn 1) năm 2012, số tiền 100.000.000đ;

- Nguồn Mái ấm tình thương: Do Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ hỗ trợ số tiền 100.000.000đ xây dựng 05 căn nhà cho phụ nữ nghèo năm 2013;

- Nguồn Căn nhà mơ ước: Do Đài phát thanh truyền hình Thành phố H4 tài trợ năm 2013, số tiền 55.000.000đ xây 01 căn nhà cho phụ nữ nghèo tại thành phố (TP.) Cà Mau;

- Nguồn "Hội phí": Do Hội Phụ nữ các huyện và thành phố C nộp. v.v...

Thời gian từ năm 2012 đến năm 2013, việc quản lý tài chính của Hội LHPN tỉnh C thiếu chặt chẽ, kế toán không lập chứng từ nhập quỹ khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh, không kiểm kê, đối chiếu quỹ tiền mặt với thủ quỹ theo

định kỳ, kiểm soát việc thu- chi của thủ quỹ không được quan tâm quản lý dẫn đến việc Phan Thị Thúy P nhiều lần rút tiền tại Kho bạc tỉnh C về đơn vị nhưng không mở sổ theo dõi để nhập quỹ, khi chuyển công tác không bàn giao lại số dư tiền mặt của nhiều nguồn quỹ do mình quản lý, không chứng minh đã chi vào việc gì mà chiếm đoạt tổng số tiền 235.628.450đ, cụ thể các nguồn sau:

Nguồn Biên soạn lịch sử: Do Tỉnh ủy Ủ cấp giai đoạn I- năm 2012, số tiền 100.000.000đ. Ngày 21/8/2012, P rút tiền mặt 100.000.000đ tại Kho bạc tỉnh C (theo giấy rút tiền số 01 ngày 21/8/2012). Sau khi rút về, P không nhập sổ quỹ tiền mặt của đơn vị, không ghi vào sổ để quản lý, theo dõi. Đồng thời qua thu thập tài liệu do P quản lý, không có sổ quỹ của năm 2012. Tuy không nhập quỹ, nhưng trong thời gian thực hiện dự án Biên soạn lịch sử, P có thực chi tổng số tiền 28.371.550đ, tồn quỹ 71.628.450đ, cụ thể chi cho các khoản sau:

- Ngày 20/12/2012, P lập giấy tạm ứng, chi cho ông Đỗ Văn N1 (người ký hợp đồng Biên soạn lịch sử) số tiền 25.000.000đ để thực hiện dự án.

- Ngày 31/12/2012, P chi cho bà Trần Kim T1 (cán bộ Văn phòng) tiền phô tô tài liệu 80.000đ và bồi dưỡng Ban chỉ đạo biên soạn lịch sử số tiền 980.000đ. Tổng 02 khoản 1.060.000đ.

- Ngày 06/2/2013, P chi cho bà Trần Kim T1 số tiền 1.050.000đ phục vụ hội thảo viết sử và chi tiền xăng xe đưa rước khách tham dự hội thảo 1.261.550đ. Tổng 02 khoản là 2.311.550đ.

Ngày 14/7/2013 khi bàn giao thủ quỹ cho bà Đoàn Hồng Đ1, P có bàn giao chứng từ chi tạm ứng liên quan đến dự án “Biên soạn lịch sử” tại bảng kê ngày 23/02/2013 với tổng số tiền 5.467.550đ. Tuy nhiên, qua điều tra xác định các khoản chi này P không sử dụng tiền mặt của nguồn Biên soạn lịch sử chi mà dùng tiền từ nguồn kinh phí của 19 nguồn quỹ chi, sau đó P sử dụng chứng từ tạm ứng này giảm trừ vào tổng số dư tiền mặt 1.260.546.028đ của 19 nguồn quỹ do Hội Phụ nữ quản lý mà không giảm trừ vào số tiền 71.628.450đ còn lại của nguồn Biên soạn lịch sử khi bàn giao. Để thực hiện nhiệm vụ chi dự án Biên soạn lịch sử, sau ngày 14/7/2013 đến 31/12/2016, thủ quỹ Đoàn Hồng Đ1 dùng các nguồn tài chính tại đơn vị do Đ1 trực tiếp thu từ ngày 01/4/2013 đến 31/12/2013 để chi sau đó tổng hợp chứng từ quyết toán với Tỉnh ủy Ủ.

Như vậy, tổng các khoản Phương chi cho hoạt động Biên soạn lịch sử trong năm 2012 có chứng từ là 26.060.000đ, chi năm 2013 là 2.311.550đ, tổng chi số tiền 28.371.550đ, còn lại 71.628.450đ, P không giao lại tiền mặt hoặc chứng từ đã chi hết số tiền 71.628.450đ của nguồn này cho thủ quỹ mới mà chiếm đoạt.

Nguồn Mái ấm tình thương: Do Trung ương H3 hỗ trợ 100.000.000đ xây dựng 05 căn nhà cho phụ nữ nghèo tại tỉnh Cà Mau năm 2013. Ngày 23/01/2013, P rút 100.000.000đ tiền mặt tại Kho bạc về đơn vị (theo giấy rút tiền số 02 ngày 23/01/2013). Sau khi rút tiền, P không ghi vào sổ quỹ nào của đơn vị và cũng không làm thủ tục nhập quỹ tiền mặt để quản lý. Khi thực hiện dự án, các đơn vị có người được thụ hưởng đến tạm ứng, P không chi từ khoản tiền rút về mà dùng tiền các nguồn quỹ của Hội LHPN tỉnh C quản lý để chi 30.000.000đ, cụ thể:

+ Ngày 18/4/2013 P chi 20.000.000đ để thực hiện dự án xây dựng nhà tình thương cho bà Huỳnh Thị T2 tại xã K, U.

+ Ngày 17/6/2013 P chi 10.000.000đ để xây nhà Huỳnh Thị L tại xã K, huyện T.

Như vậy, việc chi tạm ứng số tiền 30.000.000đ nêu trên, P không sử dụng tiền của nguồn Mái ấm tình thương để chi mà dùng nguồn kinh phí của Hội LHPN tỉnh C chi, sau đó P sử dụng chứng từ này để giảm trừ vào tổng số dư tiền mặt của 19 nguồn quỹ (1.260.546.028đ) của Hội Phụ nữ khi bàn giao cho thủ quỹ mới. Số tiền 100.000.000đ của nguồn này, P không nhập quỹ, không chứng minh chi khoản nào, không bàn giao mà chiếm đoạt.

Để thực hiện dự án và đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chi Mái ấm tình thương, sau ngày bàn giao thủ quỹ, bà Đoàn Hồng Đ1 dùng tiền từ các nguồn tài chính khác do Đ1 trực tiếp thu tại đơn vị để chi, sau đó tổng hợp chứng từ báo cáo về Trung ương Hội LHPN để quyết toán.

Nguồn Ngôi nhà mơ ước: Do Đài truyền hình Thành phố H5 tài trợ số tiền 55.000.000đ xây 01 căn nhà cho phụ nữ nghèo tại TP . năm 2013. Ngày 26/4/2013, P rút tiền mặt 55.000.000đ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh C (theo giấy rút tiền số 03 ngày 26/4/2013). Thời điểm này P không còn làm thủ quỹ nhưng Lãnh đạo Hội chỉ đạo P liên hệ Kho bạc tỉnh Cà Mau rút tiền về và có trách nhiệm giao lại cho thủ quỹ Đưộm để nhập quỹ quản lý. Tuy nhiên, sau khi rút tiền về P không bàn giao, cũng không ghi vào sổ nào để nhập quỹ mà chiếm đoạt(Nguồn này đã được đơn vị chi tạm ứng và hoàn thành trước ngày bàn giao thủ quỹ 14/7/2013).

Tại biên bản bàn giao quỹ ngày 14/7/2013 thể hiện P chi tạm ứng để thực hiện dự án Ngôi nhà mơ ước số tiền 50.000.000đ cho ông Đỗ Công Q (nhà thầu xây dựng). Tuy nhiên, P cũng không dùng tiền của nguồn Ngôi nhà mơ ước chi tạm ứng mà sử dụng nguồn kinh phí của Hội Phụ nữ để chi, sau đó P dùng chứng từ tạm ứng này giảm trừ vào tổng số dư tiền mặt của 19 nguồn quỹ

(1.260.546.028đ) của Hội LHPN khi bàn giao cho thủ quỹ mới. Số tiền 55.000.000đ của nguồn này, P không nhập quỹ, không chứng minh chi vào khoản nào, không bàn giao lại mà chiếm đoạt.

Nguồn Hội phí: Nguồn thu này được Hội Phụ nữ tỉnh C thu từ hội viên Hội Phụ nữ các huyện, thành phố C. Theo Điều lệ của Trung ương Hội quy định mức thu hội phí là 1.000đ/người/tháng, sau khi thu sẽ được trích nộp về Trung ương Hội định kỳ ngày 20/10 hàng năm theo tỷ lệ 30% trên tổng số tiền thu, còn lại 70% đơn vị được giữ lại để chi hoạt động như chi khen thưởng, chi thăm hỏi, hỗ trợ hội viên. Theo trình tự thì việc thu hội phí phải do Kế toán đơn vị ra phiếu thu, trình lãnh đạo ký duyệt sau đó đưa cho Thủ quỹ kiểm tra, thu tiền và ghi vào Sổ quỹ để quản lý.

Mặc dù đã bàn giao thủ quỹ cho Đ1 nhưng P vẫn tiếp tục thu, ra phiếu thu tiền Hội phí và nhận tiền của Hội Phụ nữ huyện C số tiền 5.500.000đ (phiếu thu số 06 ngày 03/5/2013) và thu hội phí của Hội Phụ nữ thành phố C 3.500.000đ (phiếu thu số 07 ngày 03/5/2013), tổng số tiền 9.000.000đ. Việc thu hội phí này của P là không đúng quy định tài chính- kế toán do không có chữ ký và con dấu của Thủ trưởng đơn vị, phiếu thu số 06 (thu của Hội P) không có chữ ký của người nộp mà tại mục “Người nộp tiền” do Phương tự ký. Sau khi thu số tiền trên P không ghi vào sổ quỹ nào để theo dõi và cũng không có chứng từ thể hiện đã bàn giao lại cho bà Đ1, không chứng minh đã chi số tiền này vào việc gì mà chiếm đoạt.

Sau khi nhận bàn giao, bà Đ1 dùng nguồn thu Hội phí các huyện do Đ1 trực tiếp thu từ ngày 03/5/2013 đến ngày 31/12/2013 (không phải nguồn tiền Hội phí do P thu) để chi cho khen thưởng, hỗ trợ hoạt động của hội phụ nữ huyện và thực hiện nhiệm vụ trích nộp hội phí về Trung ương Hội Phụ nữ trong năm 2013 theo quy định với tổng số tiền 45.762.160đ, cụ thể:

- Ngày 27/11/2013, Đ1 trích nộp Hội phí lần 1, số tiền 26.639.840đ;
- Ngày 30/12/201, Đ1 trích nộp Hội phí lần 2, số tiền 19.122.320đ.

Như vậy, thời gian từ năm 2012 đến 2013, Phan Thị Thúy P rút tiền mặt tại Kho bạc Nhà nước tỉnh C 03 nguồn tiền Biên soạn lịch sử, Mái ấm tình thương, Ngôi nhà mơ ước, số tiền 255.000đ, thu tiền Hội phí của Hội Phụ nữ cấp huyện, thành phố C 9.000.000đ, tổng số tiền 264.000.000đ. P có chi cho dự án Biên soạn lịch sử số tiền 28.371.550đ, còn lại 235.628.450đ không nhập quỹ tại đơn vị để quản lý mà giữ tiền ngoài sổ sách, không giao số tiền mặt các nguồn trên cho thủ quỹ mới mà chiếm đoạt, gây thiệt hại tài chính cho Hội Phụ nữ tỉnh C tổng số tiền 235.628.450đ.

*** Hành vi phạm tội của Dương Mỹ P1:** P1 được bổ nhiệm Kế toán trưởng của Hội Phụ nữ tỉnh C từ ngày 01/01/2011 đến ngày 22/9/2013. (Theo Quyết định số 02/QĐ-PN ngày 10/01/2011), P1 có trách nhiệm trong việc quản lý tài chính, đề xuất thu- chi, thực hiện các nghiệp vụ tài chính- kế toán của Hội Phụ nữ tỉnh C. Tuy nhiên, từ năm 2012 đến năm 2013, việc quản lý tài chính của kế toán diễn ra lỏng lẻo, thiếu chặt chẽ, dẫn đến nhiều sai phạm, cụ thể: Kế toán để chứng từ tồn đọng không quyết toán đúng niên hạn, không lập chứng từ để nhập quỹ tiền mặt thể hiện nghiệp vụ kinh tế phát sinh, không kiểm kê, đối chiếu quỹ tiền mặt với thủ quỹ theo quy định. Việc thực hiện nghiệp vụ kế toán tùy tiện, không tuân thủ nguyên tắc tài chính, cá biệt có trường hợp kế toán lập phiếu thu tiền mặt thay cho thủ quỹ, thiếu kiểm soát việc thu-chi của thủ quỹ dẫn đến việc Phan Thị Thúy P nhiều lần rút tiền mặt tại Kho bạc về đơn vị nhưng không nhập quỹ quản lý, thủ quỹ thu các nguồn tài chính khác của Hội phụ nữ nhưng không lập phiếu thu, vào sổ theo dõi, thực hiện không đúng nguyên tắc thu chi tài chính, không bàn giao số dư tiền mặt của nhiều nguồn quỹ do mình quản lý khi bàn giao thủ quỹ mới để Phan Thị Thúy P lợi dụng chiếm đoạt tổng số tiền 235.628.450đ, gây thiệt hại về tài chính của Hội Phụ nữ tỉnh C.

- Tại Cáo trạng số 66/CT-VKS-P1 ngày 06 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đã truy tố Phan Thị Thúy Phương về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự, truy tố Dương Mỹ P1 về tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp” theo khoản 1 Điều 179 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2023/HS-ST ngày 08/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã tuyên xử:

Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ vào điểm c, d khoản 2 và khoản 5 Điều 353, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Phan Thị Thúy P phạm tội “Tham ô tài sản”, phạt bị cáo Phan Thị Thúy P 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Cấm bị cáo Phan Thị Thúy P đảm nhiệm chức vụ Thủ quỹ trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt của bị cáo Dương Mỹ P1, về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo, quyền thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 20/11/2023, bị cáo Phan Thị Thúy P có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phan Thị Thúy P giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên bố bị cáo không phạm tội.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Phan Thị Thúy P là Thủ quỹ, quản lý quỹ tiền mặt của Hội LHPN tỉnh C. Lợi dụng sự việc quản lý tài chính không chặt chẽ của đơn vị nên từ ngày 01/01/2012 đến ngày 14/7/2013, P rút 03 nguồn kinh phí gồm: Biên soạn lịch sử, Mái ấm tình thương, Ngôi nhà mơ ước và thu tiền Hội phí do Hội Phụ nữ cấp huyện và thành phố C đăng nộp với tổng số tiền 264.000.000đ nhưng không ghi vào sổ quỹ để theo dõi, nhập quỹ quản lý mà để ngoài sổ sách. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, bị cáo Thúy P có chi tạm ứng số tiền 28.371.550đ để thực hiện dự án Biên soạn lịch sử, còn lại 235.628.450đ, bị cáo Thúy P không chứng minh được việc mượn nguồn chi cho hoạt động nào khác của đơn vị, không bàn giao lại cho Hội LHPN tỉnh C quản lý theo quy định. Do đó, có cơ sở xác định bị cáo Thúy P chiếm đoạt số tiền 235.628.450đ của Hội LHPN tỉnh C. Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Phan Thị Thúy P về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, xử phạt bị cáo P 07 (bảy) năm tù là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thị Thúy P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thị Thúy P, tuyên bố bị cáo P không phạm tội “Tham ô tài sản”, với lý do:

Căn cứ đề Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C khởi tố vụ án này là Công văn số 445-CV/UBKTTU ngày 14/4/2017 của Đoàn kiểm tra số 61 Ủy ban kiểm tra Ủ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đề nghị xử lý cán bộ đảng viên có dấu hiệu vi phạm pháp luật nội dung: “*Bà Phan Thị Thúy P thủ quỹ Hội L giai đoạn từ ngày 01/3/2011 đến ngày 29/4/2013 rút tiền về không thể hiện nhập sổ quỹ tiền mặt cơ quan của các nguồn kinh phí: Biên soạn lịch sử; Mái ấm tình thương; Ngôi nhà mơ ước; Với tổng số tiền 219.873.000 đồng. Không chứng minh được chi cho hoạt động của đơn vị*”. Tuy nhiên, tại thời điểm UBKT Tỉnh ủy Ủ kiểm tra Hội L vào năm 2017 tất cả các dự án này đã hoàn thành và đã bàn giao, thanh quyết toán xong với các nhà tài trợ, viện trợ thì không thể còn tiền được, số tiền của 03 dự án này không còn nữa, nên xác định bà Phan Thị Thúy P tham ô tài sản, là không có cơ sở.

Liên quan đến 02 Phiếu thu số 04 ngày 05/03/2013 và Phiếu thu số 05 ngày 05/04/2013 mà Cơ quan tố tụng cho rằng không có giá trị pháp lý nên không xem xét đây là chứng cứ chứng minh bị can không tham ô sau khi được giảm trừ số tiền thu này. Nhưng Phan Thị Thúy P khẳng định có nộp tiền theo Phiếu thu số 04 ngày 05/03/2013 (Bút lục 816): Nộp tiền rút Mái ấm tình thương 2013 (TW Hội); và Phiếu thu số 05 ngày 05/03/2013 (Bút lục 819): Thu căn nhà mơ ước; Các khoản tiền này được thể hiện đầy đủ trong sổ quỹ tiền mặt 2013, nên việc các Cơ quan tố tụng không chấp nhận đối với 02 tài liệu này làm cơ sở giảm trừ cho Phan Thị Thúy P là không đúng.

Các tài liệu quan trọng xác định việc quản lý và bàn giao các nguồn tiền là có thực hiện và phù hợp với Sổ quỹ tiền mặt 2013. Việc các Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm chưa xem xét đúng Biên bản bàn giao kế toán này mà chỉ dựa vào Biên bản bàn giao thủ quỹ ngày 14/7/2013 để xác định trách nhiệm của Phan Thị Thúy P là chưa phù hợp. Việc cáo buộc Phan Thị Thúy P thu Hội phí 2013 của huyện C và thành phố C nhưng không nhập quỹ, không có chứng từ thu, chi nên đã chiếm đoạt số tiền 9.000.000 đồng, không đúng và không có căn cứ. Bởi lẽ, sau ngày 29/4/2013 thì việc quản lý sổ thủ quỹ và ghi chép vào Sổ quỹ là trách nhiệm của thủ quỹ mới (bà Đ1), trước đó Phan Thị Thúy P đã bàn giao đủ các chứng từ liên quan đến các khoản chi từ Hội phí 2013 theo đúng quy định thể hiện tại T và 2 của Kết luận giám định tài chính ngày 28/12/2020, nên P không có chiếm đoạt số tiền hội phí năm 2013.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Theo Kết luận giám định tài chính bổ sung ngày 28/12/2020 của Sở Tài chính tỉnh C như sau:

[1.1] Việc thu chi, quản lý tiền mặt của bị cáo Phan Thị Thúy P từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012: Số tiền tồn quỹ của 17 nguồn thu có theo dõi qua sổ quỹ tiền mặt là 1.424.767.715 đồng nhưng không ghi chép nguồn Biên soạn lịch sử. Đối với nguồn Biên soạn lịch sử: Ngày 21/8/2012, Thúy P rút 100.000.000 đồng từ kho bạc. Trong năm 2012, bị cáo P1 chi 26.060.000 đồng, còn lại tồn quỹ là 73.940.000 đồng. Như vậy, tổng quỹ tiền mặt tồn tính đến ngày 31/12/2012 là 1.424.767.715 đồng + 73.940.000 đồng = 1.498.707.715 đồng. Cuối năm 2012, đơn vị không kiểm quỹ tiền mặt.

[1.2] Việc thu, chi và quản lý tiền mặt của bị cáo P từ ngày 01/01/2013 đến ngày 14/7/2013: Gồm 17 nguồn có sổ và 02 nguồn được xác định theo Biên bản bàn giao thủ quỹ là nguồn thu vốn, lãi dự án chưa lên Phiếu thu và nguồn thu tiền văn kiện, Điều lệ hội các huyện), xác định số dư tiền mặt của 19 nguồn kinh phí là 1.446.488.265 đồng; trong đó không có ghi số tiền của nguồn Biên soạn lịch sử, Mái ấm tình thương, Ngôi nhà mơ ước và nguồn thu Hội phí.

Nguồn Biên soạn lịch sử từ ngày 01/01/2013 đến ngày 14/7/2013: Số dư tiền mặt cuối năm 2012 số tiền là 73.940.000 đồng. Theo Biên bản bàn giao thủ quỹ ngày 14/7/2013, bị cáo P bàn giao các loại chứng từ tại quỹ và tiền mặt, trong đó có chứng từ Viết sử chi Biên soạn lịch sử nhưng chưa lên Phiếu chi với số tiền 5.467.550đ. Số tiền này được ghi giảm trong tổng số dư tiền mặt 1.260.546.028 đồng của 19 nguồn kinh phí. Như vậy, số dư tiền mặt của nguồn Biên soạn lịch sử tính đến ngày 14/7/2013 là 73.940.000 đồng. Số tiền này không lập sổ theo dõi, không bàn giao quỹ tiền mặt theo Biên bản bàn giao ngày 14/7/2013.

Nguồn Mái ấm tình thương từ ngày 01/01/2013 đến 14/7/2013: Ngày 23/01/2013, bị cáo P rút 100.000.000 đồng tiền mặt tại Kho bạc Nhà nước nhưng trên Sổ quỹ tiền mặt của 17 nguồn và 02 nguồn chưa lên phiếu thu thì không có nội dung ghi thu số tiền này; khoản tiền này không có sổ theo dõi và không được bàn giao quỹ tiền mặt trong Biên bản bàn giao thủ quỹ ngày 14/7/2013.

Tại Biên bản bàn giao thủ quỹ ngày 14/7/2013 thể hiện bị cáo P chi tạm ứng Mái ấm tình thương tổng số tiền 35.000.000 đồng, cụ thể: Trong nội dung "Chứng từ máy chiếu, nhà tình thương" với số tiền 54.838.000đ, trong danh mục chi của chứng từ này có nội dung chi Nhà tình thương 25.000.000đ (hỗ trợ nhà tình thương 5.000.000đ, chi tiền nhà bà Huỳnh thị T2- Khánh Hòa 20.000.000đ); "Chứng từ tạm ứng tại quỹ" tổng số tiền 440.983.000đ, trong đó có nội dung chi "Mái ấm tình thương" (Trần Văn T3) số tiền 10.000.000đ. Tuy nhiên số tiền này được ghi giảm vào tổng số dư tiền mặt 1.260.546.280đ của 19 nguồn kinh phí. Vì vậy, số dư tiền mặt nguồn Mái ấm tình thương đến ngày 14/7/2013 là 100.000.000 đồng. Số tiền này không mở sổ theo dõi, không bàn giao tiền mặt trong Biên bản bàn giao thủ quỹ ngày 14/7/2013.

Nguồn Ngôi nhà mơ ước từ ngày 01/01/2013 đến 14/7/2013: Ngày 26/4/2013 Thúc P rút tiền mặt 55.000.000đ tại Kho bạc nhưng Sổ quỹ tiền mặt của 17 nguồn và 02 nguồn chưa lên phiếu thu (Nguồn thu lãi dự án chưa lên Phiếu thu và nguồn Tiền văn kiện, điều lệ hội các huyện) thì không có nội dung

ghi thu số tiền 55.000.000 đồng. Số tiền này không có sổ theo dõi, không bàn giao quỹ tiền mặt trong Biên bản bàn giao thủ quỹ ngày 14/7/2013.

Tại Biên bản bàn giao thủ quỹ thể hiện Thúy P có chi tạm ứng thực hiện Ngôi nhà mơ ước số tiền 45.000.000đ (tại Mục: “Chứng từ tạm ứng tại quỹ” chi tổng số tiền 440.983.000đ có chi nội dung “Ngôi nhà mơ ước 45.000.000đ” nhưng lại được ghi giảm vào tổng số dư tiền mặt 1.260.546.280đ của 19 nguồn kinh phí. Vì vậy, số dư tiền mặt nguồn Ngôi nhà mơ ước đến ngày 14/7/2013 là 55.000.000đ. Số tiền này không mở Sổ theo dõi, không bàn giao tiền mặt trong Biên bản bàn giao thủ quỹ ngày 14/7/2013.

Nguồn Hội phí: Trong năm 2013, Thúy P thu số tiền 9.000.000đ nhưng không ghi sổ theo dõi nhập quỹ, không bàn giao tiền mặt trong Biên bản bàn giao thủ quỹ ngày 14/7/2013.

[1.3] Xác định số tiền thiệt hại của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh C:

Tổng số quỹ tiền mặt mà Thúy P phải chịu trách nhiệm quản lý đến ngày 14/7/2013 là 1.684.428.265đ, trong đó bao gồm: Số dư tiền mặt của 19 nguồn kinh phí: 1.446.488.265đ (17 nguồn có mở Sổ quỹ tiền mặt để theo dõi là: 1.312.403.265đ và 02 nguồn giao chứng từ thu là: 134.085.000đ).

Bàn giao tổng số chứng từ chưa lên phiếu chi, chưa ghi chép vào Sổ quỹ tiền mặt là: 1.274.642.985đ, trong đó gồm: Các loại chứng từ tại quỹ: 1.254.686.103đ; bàn giao tiền mặt 5.858.000đ và 01 thẻ ATM có số dư 14.098.882đ.

Tổng số dư tiền mặt của 19 nguồn kinh phí là 1.260.546.028 đồng nhưng không thể hiện 04 nguồn Biên soạn lịch sử, M ái m tình thương, Ngôi nhà mơ ước và thu Hội phí là 237.940.000đ (gồm: nguồn Biên soạn lịch sử 73.940.000đ; Mái ái m tình thương 100.000.000đ, Ngôi nhà mơ ước 55.000.000đ và tiền thu Hội phí 9.000.000đ). Đây là thiệt hại do bị cáo P gây cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh C.

[2] Quá trình điều tra bị cáo P khai: Bị cáo P thừa nhận rút tiền từ 03 nguồn dự án (gồm nguồn Biên soạn lịch sử, M ái m tình thương, Ngôi nhà mơ ước) với tổng số tiền 255 triệu đồng và thu hội phí 09 triệu đồng, tổng cộng 264 triệu đồng nhưng không nhập quỹ, không biết đã chi vào mục nào nên đã gây thiệt hại cho Hội phụ nữ tỉnh C.

[3] Tại biên bản ghi lời khai ngày 25/6/2022, bà Đ1 xác định vào ngày 01/4/2013 bị cáo P có mở tủ sắt giao số tiền 8.844.000 đồng và chìa khóa tủ sắt, phòng làm việc cho bà Đ1, bên trong tủ sắt không có giấy tờ, sổ sách gì. Bị cáo

P không bàn giao 04 nguồn gồm: Biên soạn lịch sử, Mái ấm tình thương, Ngôi nhà mơ ước và thu hội phí. Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/7/2022, bà G xác định không có mặt tham gia bàn giao quỹ giữa bị cáo P và bà Đ1 vào ngày 14/7/2013.

[4] Theo Cáo trạng, bị cáo P là Thủ quỹ quản lý quỹ tiền mặt của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh C. Lợi dụng sự việc quản lý tài chính không chặt chẽ của đơn vị nên từ ngày 01/01/2012 đến ngày 14/7/2013, Thủ quỹ P rút 03 nguồn kinh phí gồm: Biên soạn lịch sử, Mái ấm tình thương, Ngôi nhà mơ ước và thu tiền Hội phí do Hội Phụ nữ cấp huyện và thành phố C đăng nộp với tổng số tiền 264.000.000đ nhưng không ghi vào sổ quỹ để theo dõi, nhập quỹ quản lý mà để ngoài sổ sách. Trong quá trình đó, bị cáo P có chi tạm ứng số tiền 28.371.550đ để thực hiện dự án Biên soạn lịch sử, còn lại 235.628.450 đồng không chứng minh được đã chi và không bàn giao cho Hội phụ nữ tỉnh C. Vì vậy, bị cáo P phải chịu trách nhiệm về hành vi chiếm đoạt số tiền này.

Tại giai đoạn phúc thẩm, người bào chữa của bị cáo nại là trong hồ sơ thể hiện chi cho ông Đỗ Văn N1 số tiền 50.000.000 (năm mươi) triệu đồng để thực hiện dự án Biên soạn lịch sử nhưng cơ quan tiến hành tố tụng chỉ xác định 25.000.000 (hai mươi lăm) triệu đồng.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù qua kết quả giám định cũng như trên thực tế, quá trình điều tra xác định được có thiệt hại số tiền 235.628.450 đồng cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh C xuất phát từ hành vi của bị cáo P nhưng cơ quan tiến hành tố tụng chưa chứng minh được hành vi chiếm đoạt của bị cáo P. Trong quá trình tố tụng, bị cáo P không thừa nhận hành vi chiếm đoạt số tiền này mà chỉ cho rằng có sai sót trong thu chi khi và không theo dõi trên sổ sách. Mặt khác, chính Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh C cũng trình bày không thống nhất về thiệt hại xảy ra, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 06/9/2024 người đại diện cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh C trình bày đến thời điểm hiện tại thì cũng không xác định được có thiệt hại hay không. Đối với số tiền 210.000.000 đồng mà cha chồng của bị cáo P là ông Lê Phú H2 nộp cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh C không phải là căn cứ chứng minh bị cáo P chiếm đoạt tiền mà đây là hành vi khắc phục thiệt hại cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh C. Như vậy, với kết quả điều tra và tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm thì chưa chứng minh được bị cáo P đã chiếm đoạt số tiền 235.628.450 đồng của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh C nên không đủ cơ sở kết luận bị cáo P1 phạm tội “Tham ô tài sản” như Cáo trạng đã truy tố và được Tòa án cấp sơ thẩm xét xử. Trường hợp này, nếu không chứng minh được bị cáo P chiếm đoạt số tiền trên thì cần xác định bị cáo P có hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh C;

và nếu bị cáo P có động cơ vụ lợi hay mục đích cá nhân khác mà không thuộc trường hợp trên thì cần xem xét về hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo quy định tại Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999.

Mặt khác, theo Điều lệ của Hội P2 thì Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh C, thành viên của Hội P2 là tổ chức xã hội, nghề nghiệp mà không phải là cơ quan Nhà nước. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo P chiếm đoạt tài sản của Nhà nước và bị cáo Dương Mỹ P1 phạm tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước theo Bộ luật hình sự năm 1999 đều là không chính xác.

Do đó, để đảm bảo hai cấp xét xử, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo P, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về để cơ quan tiến hành tố tụng điều tra, xét xử lại theo đúng quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên bị cáo Phan Thị Thúy P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phan Thị Thúy P;

Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2023/HS-ST ngày 08/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án về cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết theo thẩm quyền.

2/ Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phan Thị Thúy P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công

Ngô Mạnh Cường

Trần Thị Hòa Hiệp